

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2022/HC-ST**

Ngày: 28 - 3 - 2022

“V/v: Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Chung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Quang Tuyên;

Bà H' Rum Niê.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 110/2021/TLST-HC ngày 20/10/2021, về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HC ngày 21/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HC ngày 10/3/2022, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Bà Võ Thị Như N, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Đường N, tổ dân phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1963 (văn bản ngày 28/10/2021); Địa chỉ: Đường P, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Lê Đại T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ngày 29/10/2021), vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Phạm Văn T – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Địa chỉ: Đường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Cao Thị Đ (vắng mặt);

Địa chỉ: Đường A, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 03/02/2004, bà Cao Thị Đ có nhận khoán của Công ty TNHH MTV cà phê B diện tích 3.860m<sup>2</sup> (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 52, 53) theo hợp đồng nhận khoán số 311/HĐKT ngày 03/02/2004, thời hạn hợp đồng từ ngày 03/4/2004 đến ngày 31/12/2020.

Ngày 05/02/2010, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND về việc thu hồi 63.845m<sup>2</sup> đất tại phường A, thành phố B của Công ty cà phê B, trong đó thu hồi 760m<sup>2</sup> đất của bà Cao Thị Đ (chồng là Nguyễn Long T) nhận giao khoán thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 52, 53. Ngày 08/12/2010, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường C.

Ngày 19/02/2014, bà N đã có đơn xin nhận đất giao khoán đối với 3.860m<sup>2</sup> đất mà bà Đ nhận giao khoán với Công ty. Ngày 25/02/2014, Công ty TNHH MTV cà phê B và bà Võ Thị Như N có lập Biên bản đối chiếu công nợ và Hợp đồng giao khoán đất liên kết sản xuất cà phê số 34Đ3/2014/HĐ, diện tích 3.860m<sup>2</sup>, thời hạn hợp đồng từ ngày 25/02/2014 đến ngày 31/12/2020.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7m<sup>2</sup> đất tại các phường: T, N, L1, A, L, H và xã E, thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B; giao diện tích 897.744,7m<sup>2</sup> đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m<sup>2</sup> đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. Trong đó thu hồi toàn bộ diện tích đất mà bà Võ Thị Như N nhận giao khoán.

Ngày 21/4/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1940/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 dọc hai bên đường N19 (đường G nối dài), đoạn từ đường T đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B. Ngày 18/7/2017, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1782/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Đường G đoạn từ đường T đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Ngày 12/10/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7192/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường C.

Ngày 12/10/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7192/QĐ-UBND về việc hủy Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường C.

Ngày 05/3/2020, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk tiến hành đo đạc toàn bộ diện tích đất mà bà Võ Thị Như N đang quản lý sử dụng, thể hiện diện tích đo đạc thực tế là 4.565,7m<sup>2</sup> lớn hơn so với diện tích đất trong hợp đồng 705,7 m<sup>2</sup> là do trước đây Công ty đo đạc chưa chính xác. Diện tích đất nằm trong ranh dự án theo Quyết

định số 1782 ngày 18/7/2017 là 384,5m<sup>2</sup>; diện tích đất nằm trong ranh dự án theo Quyết định 1940 ngày 21/4/2017 là 4.181,2 m<sup>2</sup>.

Ngày 09/11/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7873/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1), trong đó bồi thường cho bà Cao Thị Đ đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (Thửa cũ 116, tờ bản đồ 52,53), diện tích 4.181,2 m<sup>2</sup> đất nhận giao khoán mà bà Võ Thị Như N đang quản lý, sử dụng. Trong 4.181,2 m<sup>2</sup> đất thu hồi, có 375,5m<sup>2</sup> đất thuộc 760m<sup>2</sup> đất đã được thu hồi tại Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk và 3.805,7 m<sup>2</sup> đất được thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Cùng ngày UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7874/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 2), trong đó bồi thường cho bà Cao Thị Đ đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (Thửa cũ 116, tờ bản đồ 52,53), diện tích 384,5 m<sup>2</sup> đất nhận giao khoán mà bà Võ Thị Như N đang quản lý, sử dụng. Diện tích đất này thuộc phần diện tích 760m<sup>2</sup> đất đã được thu hồi tại Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

*\*/ Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Võ Thị Như N là bà Phan Thị L trình bày có nội dung như sau:*

Ngày 25/6/2010, bà Cao Thị Đ đã chuyển hợp đồng liên kết đối với diện tích 3.860m<sup>2</sup> cho bà Võ Thị Như N. Việc chuyển nhượng hợp đồng trên hai bên chỉ làm giấy tờ viết tay. Đến ngày 25/02/2014, bà N được Công ty TNHH MTV cà phê B đồng ý; đồng thời Công ty với bà N đã quyết toán công nợ và thanh lý toàn bộ hợp đồng cũ, thanh toán các khoản nợ của năm 2013, 2014. Sau đó ký lại hợp đồng mới số 34/Đ3/2014 với diện tích 3.860m<sup>2</sup>, diện tích đo đạc thực tế 4.565,7m<sup>2</sup>, thời hạn hợp đồng từ 25/02/2014 đến 31/12/2020 hợp đồng mang tên Võ Thị Như N.

Trước khi nhận chuyển nhượng diện tích trên, ngày 05/02/2010, UBND tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định thu hồi đất số 403/QĐ-UBND thu hồi của bà Đ diện tích là 384,5m<sup>2</sup>. Căn cứ Quyết định số 1940 ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk, UBND thành phố B ra Quyết định thu hồi số diện tích đất còn lại là 4.182 m<sup>2</sup> của bà N.

Tại Quyết định số 7873/QĐ-UBND và Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B đã bồi thường nhà, công trình phụ, vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất cho bà Cao Thị Đ.

Việc UBND thành phố B không ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà là không đúng. Bởi lẽ, diện tích đất 4.565,7 m<sup>2</sup> bà Đ đã chuyển

nhượng hợp đồng hợp pháp cho bà và đã được Công ty TNHH MTV cà phê B đồng ý sang tên hợp đồng từ ngày 25/02/2014.

Vì vậy, bà N đề nghị Tòa án hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 và một phần Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1, đợt 2), đối với phần bồi thường, hỗ trợ của bà Cao Thị Đ tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (Thửa cũ 116, tờ bản đồ 52;53). Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Võ Thị Như N theo quy định của pháp luật.

*\*/ Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và tại phiên toà sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Phạm Văn T trình bày có nội dung như sau:*

Về nguồn gốc đất: Bà Cao Thị Đ hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B theo Hợp đồng số 311/HĐKT ngày 03/02/2004 với diện tích 3.860 m<sup>2</sup>. Sau đó, năm 2014, bà Cao Thị Đ chuyển hợp đồng cho bà Võ Thị Như N và bà N đã ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B theo hợp đồng số 34/Đ3/2014/HĐ thời hạn hợp đồng từ ngày 25/04/2014 đến ngày 31/12/2020 với diện tích 3.860 m<sup>2</sup>. Diện tích đo đạc thực tế là 4.565,7m<sup>2</sup> lớn hơn so với diện tích trong hợp đồng là 705,7m<sup>2</sup> là do trước đây Công ty TNHH MTV cà phê B khi ký hợp đồng với bà N chưa trừ phần diện tích 760m<sup>2</sup> đã được thu hồi tại Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk và đo đạc không chính xác. Như vậy, tại thời điểm Công ty TNHH MTV cà phê B khi ký hợp đồng với bà N (hợp đồng của bà Cao Thị Đ) chưa trừ phần diện tích 760m<sup>2</sup> đã được thu hồi tại Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường C thì đã ban hành bồi thường, hỗ trợ cho bà Cao Thị Đ.

Căn cứ Công văn số 2472/UBND-NN&MT ngày 24/03/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Chấm dứt chủ trương đối với dự án Trường C, diện tích 63.845m<sup>2</sup> đất giao cho UBND thành phố B căn cứ số liệu kiểm kê tại thời điểm năm 2010 để tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Căn cứ Công văn số 7632/UBND-NN&MT ngày 26/08/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Đồng ý chủ trương cho UBND thành phố B áp dụng phân loại một số cây trồng như bơ, mít, xoài, nhãn, chôm chôm và một số loại cây trồng khác không xác định khối lượng gỗ tại Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố B theo loại A và áp dụng mức tính khối lượng gỗ đối với cây trồng cùng loại hoặc tương đương của các dự án đang thực hiện trên địa bàn phường A, thành phố B.

Căn cứ Quyết định số 7192/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 về việc hủy Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường C.

Từ những căn cứ trên, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7873, 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Đường G và Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường N19 (Giải Phóng Nối dài), đoạn từ đường T đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1, đợt 2) đoạn đi qua phường A, trong đó có hộ bà Võ Thị Như N.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Cao Thị Đ nhưng bà Đ từ chối nhận văn bản tố tụng với lý do bà đã chuyển nhượng hợp đồng liên kết cho bà N nên không còn liên quan gì đến vụ việc này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính; về nội dung: Trong diện tích 4.565,7m<sup>2</sup> đất bị thu hồi, có 760m<sup>2</sup> đã thu hồi tại thời điểm ngày 05/02/2010 là thu hồi của bà Cao Thị Đ; 3.805,7m<sup>2</sup> đất được thu hồi ngày 04/01/2017 là thu hồi của bà Võ Thị Như N (do đất bà N ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV cà phê B từ ngày 25/02/2014). Nhưng tại Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1), lại xác định đối tượng được bồi thường hỗ trợ cho cả diện tích 4.181,2 m<sup>2</sup> là bà Cao Thị Đ là không đúng quy định của pháp luật (vì trong diện tích đất này có 3.805,7m<sup>2</sup> thu hồi của bà Võ Thị Như N). Do đó, việc bà N yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Như N: Hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B đối với phần bồi thường, hỗ trợ của bà Cao Thị Đ. Buộc UBND thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Võ Thị Như N theo quy định của pháp luật; Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

## **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 09/11/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7873/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1), trong đó bồi thường cho bà Cao Thị Đ đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (Thửa cũ 116, tờ bản đồ 52,53), diện tích 4.181,2 m<sup>2</sup> đất nhận giao khoán mà bà Võ Thị Như N đang quản lý, sử dụng. Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7874/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 2), trong đó bồi thường cho bà Cao Thị Đ đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (Thửa cũ 116, tờ bản đồ 52,53), diện tích 384,5 m<sup>2</sup> đất nhận giao khoán mà bà Võ Thị Như N đang quản lý, sử dụng. Như vậy, đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Như N, nên yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Ngày 14/10/2021, bà Võ Thị Như N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

## **[2] Về nội dung:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đều xác định: Ngày 03/02/2004, bà Cao Thị Đ có nhận khoán của Công ty TNHH MTV cà phê B với diện tích 3.860m<sup>2</sup> theo Hợp đồng nhận khoán số 311/HĐKT ngày 03/02/2004, thời hạn hợp đồng từ ngày 03/4/2004 đến ngày 31/12/2020.

Ngày 05/02/2010, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 403/QĐ-UBND về việc thu hồi 63.845m<sup>2</sup> đất tại phường A, thành phố B của Công ty cà phê B, trong đó thu hồi 760m<sup>2</sup> đất của bà Cao Thị Đ (chồng là Nguyễn Long T) nhận giao khoán thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 52, 53. Ngày 08/12/2010, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường C. Tuy nhiên, ngày 12/10/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7192/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 về việc hủy Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường C. Như vậy, bà Đ vẫn quản lý 760m<sup>2</sup> đất này và UBND thành phố B chưa bồi thường, hỗ trợ cho bà Cao Thị Đ đối với phần đất này vào năm 2010.

Ngày 19/02/2014, bà N đã có đơn xin nhận đất giao khoán đối với 3.860m<sup>2</sup> đất mà bà Đ nhận giao khoán với Công ty TNHH MTV cà phê B. Ngày 25/02/2014, Công

ty TNHH MTV cà phê B và bà Võ Thị Như N có lập Hợp đồng giao khoán đất liên kết sản xuất cà phê số 34Đ3/2014/HĐ, diện tích 3.860m<sup>2</sup> (bao gồm cả 760m<sup>2</sup> đất mà UBND tỉnh Đắk Lắk đã quyết định thu hồi theo Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 05/02/2010), thời hạn hợp đồng từ ngày 25/02/2014 đến ngày 31/12/2020. Bà Nguyệt là người quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất này.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7m<sup>2</sup> đất tại các phường: T, N, L1, A, L, H và xã E, thành phố B của Công ty TNHH MTV cà phê B; giao diện tích 897.744,7m<sup>2</sup> đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m<sup>2</sup> đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. Trong đó thu hồi toàn bộ diện tích đất mà bà Võ Thị Như N nhận giao khoán.

Tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 13/7/2020 và tại Trích lục mảng trích đo địa chính số 1909TL-VPĐLĐĐ-KTĐC (BL 95-96) thể hiện: Diện tích đất mà bà N nhận giao khoán thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (thửa cũ 116, tờ bản đồ 52,53) có diện tích thực tế là 4.565,7m<sup>2</sup> lớn hơn so với diện tích đất trong hợp đồng 705,7 m<sup>2</sup> là do trước đây Công ty đo đạc không chính xác. Diện tích đất nằm trong ranh dự án đường G tại thửa đất số 3, tờ bản đồ 53 theo Quyết định số 1782 ngày 18/7/2017 là 384,5m<sup>2</sup> thuộc phần diện tích 760m<sup>2</sup> đã được thu hồi tại Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk; diện tích đất nằm trong ranh dự án xây dựng cơ sở hạ tầng dọc hai bên đường G tại thửa đất số 3, tờ bản đồ 53 theo Quyết định 1940 ngày 21/4/2017 là 4.181,2 m<sup>2</sup> (375,5m<sup>2</sup> đất thuộc 760m<sup>2</sup> đất đã được thu hồi tại Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk và 3.805,7 m<sup>2</sup> đất được thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk).

Như vậy, trong toàn bộ diện tích nhận khoán của bà Võ Thị Như N thì có 760m<sup>2</sup> đất mà đã được thu hồi tại Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk và có 3.805,7 m<sup>2</sup> đất được thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Năm 2017, bà N là người đang quản lý, sử dụng đối với diện tích 3.805,7 m<sup>2</sup> đất nhận khoán từ Công ty TNHH MTV cà phê B, bà Đ đã thanh lý hợp đồng, nên người được bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất này phải là bà Võ Thị Như N.

Ngày 09/11/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7874/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1), trong đó bồi thường cho bà Cao Thị Đ đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (thửa cũ 116, tờ bản đồ 52,53), diện tích 384,5 m<sup>2</sup> là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7873/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1), trong đó bồi thường cho bà Cao Thị Đ đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (thửa cũ 116, tờ bản đồ 52,53), diện tích 4.181,2 m<sup>2</sup>, là không đúng quy định tại Điều 76 Luật đất đai năm 2013, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Bởi lẽ, trong diện tích 4.181,2 m<sup>2</sup> này có 3.805,7 m<sup>2</sup> đất được thu hồi năm 2017 (theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk), thời điểm bà N đang quản lý, sử dụng theo Hợp đồng giao khoán.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Như N, để huỷ một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1), đối với phần bồi thường cho bà Cao Thị Đ diện tích 4.181,2 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (thửa cũ 116, tờ bản đồ 52,53), để UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường theo đúng quy định của pháp luật; cần bác yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 2), đối với phần bồi thường cho bà Cao Thị Đ diện tích 384,5 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (thửa cũ 116, tờ bản đồ 52,53).

**[4] Về án phí:** Do một phần yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện là bà Võ Thị Như N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 69, Điều 76 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Như N.

Huỷ một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức



thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 1), đối với phần bồi thường cho bà Cao Thị Đ diện tích 4.181,2 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (thửa cũ 116, tờ bản đồ 52,53).

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Võ Thị Như N theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Như N về việc: Huỷ một phần Quyết định số 7874/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu đất dọc hai bên đường G đoạn từ đường T đến bùng binh km5, Quốc lộ 26 thành phố B (đợt 2), đối với phần bồi thường cho bà Cao Thị Đ diện tích 384,5 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 53 (thửa cũ 116, tờ bản đồ 52,53).

### **3. Về án phí:**

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Võ Thị Như N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0007547 ngày 15/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

**4. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Chung**